



TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ KỸ THUẬT TW
Địa chỉ: Đường Nguyễn Bình, Dương xá, Gia Lâm, Hà Nội
Điện thoại: 0243.8276342
Website: <http://netc-vca.edu.vn>

QUY TRÌNH
KHÁM SỨC KHỎE CHO HỌC SINH SINH VIÊN

Mã hóa : QT10QT

Ban hành lần : Thứ nhất

Hiệu lực từ ngày :

NGƯỜI SOẠN THẢO	PHÒNG QUẢN TRỊ	BAN GIÁM HIỆU
Nguyễn Thị Mai Hoa	Bùi Văn Phúc	

1.Mục đích và phạm vi áp dụng

a. Mục đích:

Xây dựng quy trình khám sức khỏe cho HSSV nhằm giúp BGH, các đơn vị trong trường hiểu rõ, nắm chắc thời gian, các quy định cũng như các thủ tục cần thiết đối với HSSV khi các em nhập học tại trường

HSSV được khám sức khỏe, hoàn tất thủ tục nhập học theo quy định, HSSV đảm bảo đủ sức khỏe yên tâm học tập.

Rà soát được những trường hợp mắc một số bệnh thông thường để kịp thời khám chữa

b. Phạm vi áp dụng:

Quy trình này áp dụng cho tất cả HSSV trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Trung ương.

2. Khái niệm và từ viết tắt

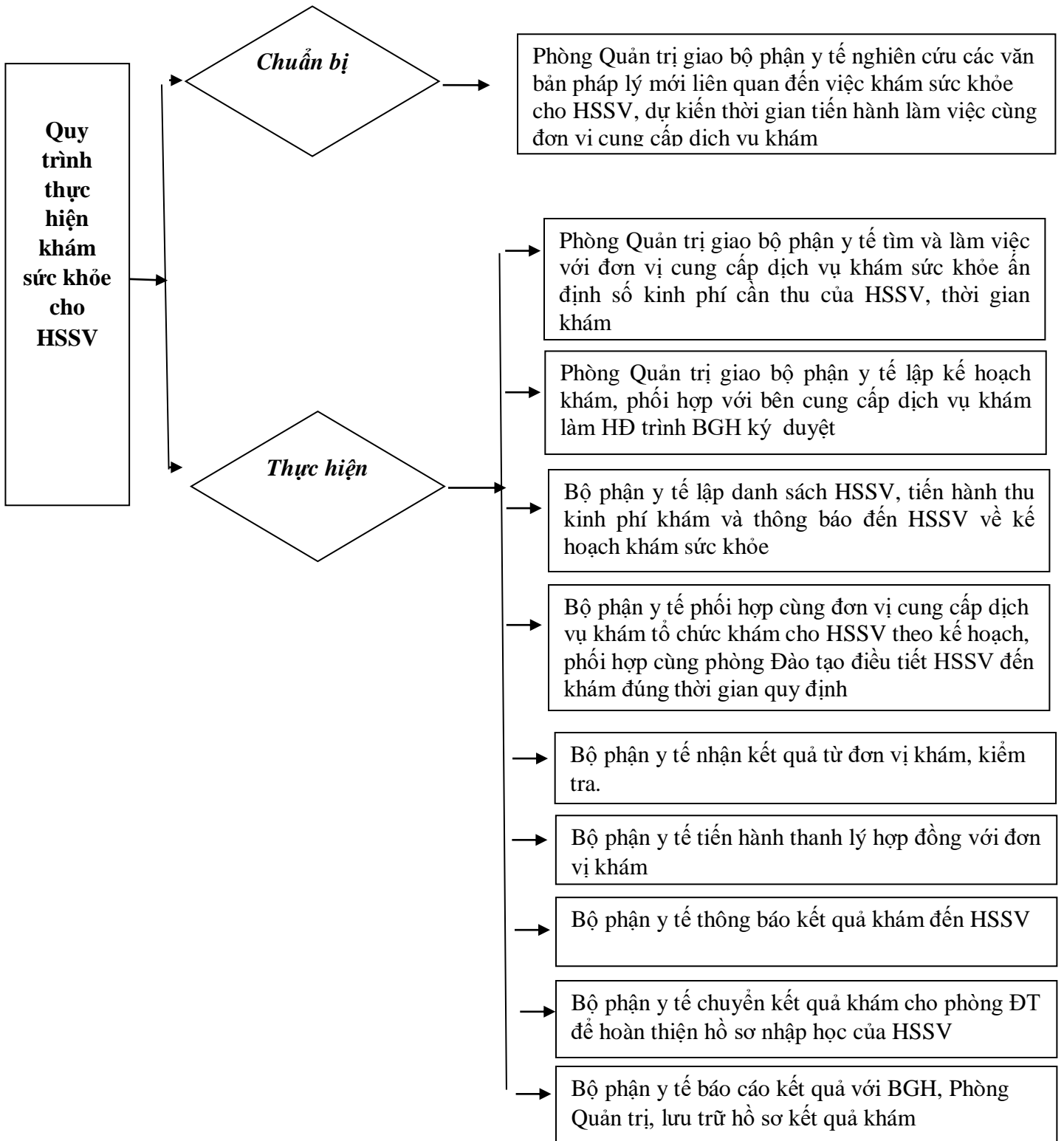
a. Khái niệm:

Khám sức khỏe là việc kiểm tra lâm sàng, cận lâm sàng, thể lực nhằm kiểm tra sức khỏe, phát hiện một số bệnh lý tiềm ẩn có phương án điều trị sớm đây là một trong những yêu cầu cơ bản, bắt buộc mà HSSV phải thực hiện trong quá trình HSSV nộp hồ sơ nhập học tại trường, mang lại nhiều lợi ích, đảm bảo sức khỏe cho HSSV trong quá trình HSSV học tập tại trường

2. Từ viết tắt

- BGH: Ban Giám hiệu;
- HSSV: Học sinh, sinh viên;
- HĐ: Hội đồng
- ĐT: Đào tạo
- QT: Quản trị

3. Quy trình thực hiện khám sức khỏe cho HSSV



4. Mô tả

MÔ TẢ QUY TRÌNH TỔ CHỨC KHÁM SỨC KHỎE CHO HỌC SINH, SINH VIÊN

TT	NỘI DUNG	BỘ PHẬN THỰC HIỆN	BỘ PHẬN PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN	HỒ SƠ LƯU
1	Chuẩn bị: Phòng Quản trị giao bộ phận y tế nghiên cứu các văn bản pháp lý mới liên quan đến việc khám sức khỏe cho HSSV, dự kiến thời gian tiến hành làm việc với đơn vị cung cấp dịch vụ khám	Bộ phận y tế	Phòng Quản trị	Đầu khóa học	- Thông tư số: 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 05 năm 2013 hướng dẫn khám sức khỏe của Bộ Y tế - Thông tư 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2017 của Bộ LĐTB&XH - QĐ 218a/2021/QĐ-TrCDKTKTTW ngày 19/10/2021 ban hành Quy chế công tác HSSV
2	Thực hiện: Phòng Quản trị giao bộ phận y tế tìm và làm việc với đơn vị cung cấp dịch vụ khám sức khỏe ấn định số kinh phí cần thu của HSSV, thời gian khám	Bộ phận y tế		Đầu khóa học	
3	Phòng Quản trị giao bộ phận y tế lập kế hoạch khám, phối hợp với bên cung cấp dịch vụ khám làm HĐ trình BGH ký duyệt	BGH	Bộ phận y tế	Sau khi đã tìm được đơn vị cung cấp dịch vụ khám	Kế hoạch Hợp đồng
4	Bộ phận y tế lập danh sách HSSV, tiến hành thu kinh phí khám và thông báo đến HSSV về kế hoạch khám	Bộ phận y tế	HSSV	Sau khi đã ký HĐ và KH đã được BGH phê duyệt	Thông báo Danh sách

	sức khỏe				
5	Bộ phận y tế phối hợp cùng đơn vị cung cấp dịch vụ khám tổ chức khám cho HSSV theo kế hoạch, phối hợp cùng phòng Đào tạo điều tiết HSSV đến khám đúng thời gian quy định	Bộ phận y tế	Đơn vị khám Phòng ĐT HSSV		
6	Bộ phận y tế nhận kết quả từ đơn vị khám, kiểm tra.	Bộ phận y tế	Đơn vị khám	Sau khi đã hoàn tất việc khám	Kết quả
7	Bộ phận y tế tiến hành thanh lý hợp đồng với đơn vị khám	Bộ phận y tế	Phòng QT Đơn vị khám		Thanh lý HĐ
8	Bộ phận y tế thông báo kết quả khám đến HSSV	Bộ phận y tế	HSSV;	Sau khi đã nhận kết quả	Kết quả
9	Bộ phận y tế chuyển kết quả khám cho phòng ĐT để hoàn thiện hồ sơ nhập học của HSSV	Bộ phận y tế	Phòng ĐT	Sau khi có kết quả	Biên bản bàn giao
10	Bộ phận y tế báo cáo kết quả với BGH, Phòng Quản trị, lưu trữ hồ sơ, kết quả khám	Bộ phận y tế	Phòng Quản trị	Sau khi đã hoàn tất công việc	Hồ sơ

5. Biểu mẫu

BIỂU MẪU THỰC HIỆN VIỆC KHÁM SỨC KHỎE CHO HSSV (03 biểu mẫu kèm theo)

STT	Tên công cụ/biểu mẫu/hướng dẫn	Mã hoá
1	- Thông tư số: 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 05 năm 2013 hướng dẫn khám sức khỏe của Bộ Y tế	BM.QT&CTHSSV.01
2	- Thông tư 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2017 của Bộ LĐTB&XH	BM.QT&CTHSSV.02
3	- QĐ 218a/2021/QĐ-TrCĐKTKTTW ngày 19/10/2021 ban hành Quy chế công tác HSSV	BM.QT&CTHSSV.03
4	- Các công văn theo tuwnfg năm học của các đơn vị chức năng	

BỘ Y TẾ BỘ Y TẾ

Số: 14/2013/TT-BYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM độc lập - Tự do - Hạnh phúc Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2013

THÔNG TƯ Hướng dẫn khám sức khỏe Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009; Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012; Căn cứ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 29 tháng 11 năm 2006; Căn cứ Nghị định số 06/CP ngày 20 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động và Nghị định số 110/2002/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2002 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/CP ngày 20 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động; Căn cứ Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Căn cứ Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước

ngoài làm việc tại Việt Nam và Nghị định số 46/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam; Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế; Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý khám, chữa bệnh và Vụ trưởng Vụ Pháp chế; Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư hướng dẫn khám sức khỏe. Chương I QUY ĐỊNH CHUNG điều 1. Phạm vi điều chỉnh và nội dung áp dụng 46 CÔNG BÁO/Số 291 + 292/Ngày 31-05-2013 1. Thông tư này hướng dẫn hồ sơ, thủ tục, nội dung khám sức khỏe (KSK), phân loại sức khỏe và điều kiện của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (KBCB) được phép thực hiện KSK. 2. Thông tư này áp dụng đối với các nội dung sau đây: a) Người Việt Nam, người nước ngoài đang sống, làm việc tại Việt Nam KSK khi tuyển dụng, KSK định kỳ, KSK khi vào học tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề và các nội dung khác; b) KSK cho người lao động Việt Nam khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. 3. Thông tư này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây: a) Khám bệnh ngoại trú, nội trú trong các cơ sở KBCB; b) Khám giám định y khoa, khám giám định pháp y, khám giám định pháp y tâm thần; c) Khám cấp giấy chứng thương; d) Khám bệnh nghề nghiệp; đ) KSK khi tuyển vào lực lượng vũ trang và KSK trong lực lượng vũ trang. 4. Việc KSK chỉ được thực hiện tại cơ sở KBCB đã được cấp giấy phép hoạt động theo quy định của Luật KBCB và có đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư này. 5. Đối với người có giấy KSK do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp thì giấy KSK được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy KSK có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy KSK đó không quá 6 tháng kể từ ngày được cấp. Giấy KSK phải được dịch sang tiếng Việt có chứng thực bản dịch. Điều 2. Sử dụng tiêu chuẩn sức khỏe để phân loại sức khỏe 1. Việc phân loại sức khỏe của người được KSK thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1613/BYT-QĐ ngày 15 tháng 8 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành tiêu chuẩn phân loại sức khỏe để khám tuyển, khám định kỳ cho người lao động (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1613/BYT-QĐ). 2. Đối với những trường hợp KSK theo bộ tiêu chuẩn sức khỏe chuyên ngành do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam ban hành hoặc thừa nhận thì việc phân loại sức khỏe căn cứ vào quy định của bộ tiêu chuẩn sức khỏe chuyên ngành đó. 3. Đối với những trường hợp khám sức khỏe theo yêu cầu nhưng không khám đầy đủ các chuyên khoa theo mẫu Giấy KSK quy định tại Thông tư này, thì cơ sở KBCB nơi thực hiện việc KSK (sau đây gọi tắt là cơ sở KSK) chỉ khám, kết luận đối với từng chuyên khoa theo yêu cầu của nội dung KSK và không phân loại sức khỏe. CÔNG BÁO/Số 291 + 292/Ngày 31-05-2013 47 Điều 3. Chi phí khám sức khỏe 1. Tổ chức, cá nhân đề nghị KSK phải trả chi phí KSK cho cơ sở KSK theo mức giá dịch vụ KBCB đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc theo thỏa thuận giữa hai bên, trừ các trường hợp được miễn hoặc giảm theo quy định của pháp luật. 2. Trường hợp người được KSK có yêu cầu cấp từ hai Giấy KSK trở lên thì phải nộp thêm phí cấp Giấy KSK theo quy định của pháp luật. 3. Việc thu, nộp, quản lý và sử dụng nguồn kinh phí từ hoạt động KSK được thực hiện theo quy định của pháp luật. Chương II THỦ TỤC, NỘI DUNG KHÁM SỨC KHỎE Điều 4. Hồ sơ khám sức khỏe 1. Hồ sơ KSK của người từ đủ 18 (mười tám) tuổi trở lên là Giấy KSK theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này, có dán ảnh chân dung cỡ 04cm x 06cm, được chụp trên nền trắng trong thời gian không quá 06 (sáu) tháng tính đến ngày nộp hồ sơ KSK. 2. Hồ sơ KSK của người chưa đủ 18 (mười tám) tuổi là Giấy KSK theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này, có dán ảnh chân dung cỡ 04cm x 06cm, được chụp trên nền trắng trong thời gian không quá 06 (sáu) tháng tính đến ngày nộp hồ sơ KSK. 3. Đối với người mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự đề nghị KSK nhưng không thuộc trường hợp KSK định kỳ, hồ sơ KSK bao gồm: Giấy KSK theo quy định tại Khoản 1 hoặc Khoản 2 điều này và văn bản đồng ý của cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của người đó. 4. Đối với người được KSK định kỳ, hồ sơ KSK bao gồm: a) Sổ KSK định kỳ theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này; b) Giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức nơi người đó đang làm việc đối với

trường hợp KSK ñịnh kỳ ñơn lẻ hoặc có tên trong danh sách KSK ñịnh kỳ do cơ quan, tổ chức nơi người ñó ñang làm việc xác nhận ñể thực hiện KSK ñịnh kỳ theo hợp ñồng. ðiều 5. Thủ tục khám sức khỏe 1. Hồ sơ khám sức khỏe nộp tại cơ sở KSK. 48 CÔNG BÁO/Số 291 + 292/Ngày 31-05-2013 2. Sau khi nhận ñược hồ sơ KSK, cơ sở KSK thực hiện các công việc: a) ðối chiếu ảnh trong hồ sơ KSK với người ñiền KSK; b) ðóng dấu giáp lai vào ảnh sau khi ñã thực hiện việc ñối chiếu theo quy ñịnh tại ðiểm a Khoản này ñối với các trường hợp quy ñịnh tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 ðiều 4 Thông tư này; c) Kiểm tra, ñối chiếu giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu ñối với người giám hộ của người ñược KSK ñối với trường hợp quy ñịnh tại Khoản 3 ðiều 4 Thông tư này; d) Hướng dẫn quy trình KSK cho người ñược KSK, người giám hộ của người ñược KSK (nếu có); ñ) Cơ sở KSK thực hiện việc KSK theo quy trình.

ðiều 6. Nội dung khám sức khỏe 1. ðối với KSK cho người từ ñủ 18 (mười tám) tuổi trở lên nhưng không thuộc trường hợp KSK ñịnh kỳ: khám theo nội dung ghi trong Giấy KSK quy ñịnh tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này. 2. ðối với KSK cho người chưa ñủ 18 (mười tám) tuổi nhưng không thuộc trường hợp KSK ñịnh kỳ: khám theo nội dung ghi trong Giấy KSK quy ñịnh tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này. 3. ðối với trường hợp KSK ñịnh kỳ: khám theo nội dung ghi trong Sổ KSK ñịnh kỳ quy ñịnh tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này. 4. ðối với trường hợp KSK theo bộ tiêu chuẩn sức khỏe chuyên ngành: khám theo nội dung ghi trong Giấy KSK quy ñịnh tại mẫu giấy KSK của chuyên ngành ñó. 5. ðối với những trường hợp khám sức khỏe theo yêu cầu: khám theo nội dung mà ñối tượng KSK yêu cầu. ðiều 7. Phân loại sức khỏe 1. Người thực hiện khám lâm sàng, cận lâm sàng cho ñối tượng KSK phải ghi rõ kết quả khám, phân loại sức khỏe của chuyên khoa, ký tên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khám và kết quả khám của mình. 2. Căn cứ vào kết quả khám của từng chuyên khoa, người ñược cơ sở KSK phân công thực hiện việc kết luận phân loại sức khỏe và ký Giấy KSK, Sổ KSK ñịnh kỳ (sau ñây gọi tắt là người kết luận) thực hiện việc kết luận phân loại sức khỏe như sau: a) Phân loại sức khỏe của người ñược KSK theo quy ñịnh tại Quyết ñịnh số 1613/BYT-QĐ hoặc phân loại sức khỏe theo quy ñịnh của bộ tiêu chuẩn sức khỏe chuyên ngành ñối với trường hợp KSK chuyên ngành; CÔNG BÁO/Số 291 + 292/Ngày 31-05-2013 49 b) Ghi rõ các bệnh, tật của người ñược KSK (nếu có). Trường hợp người ñược KSK có bệnh, tật thì người kết luận phải tư vấn phương án ñiều trị, phục hồi chức năng hoặc giới thiệu khám chuyên khoa ñể khám bệnh, chữa bệnh. 3. Sau khi phân loại sức khỏe, người kết luận phải ký, ghi rõ họ tên và ñóng dấu của cơ sở KSK vào Giấy KSK hoặc Sổ KSK ñịnh kỳ (dấu sử dụng trong giao dịch chính thức của cơ sở KSK theo quy ñịnh của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu). Trường hợp người ñược KSK có yêu cầu cấp nhiều Giấy KSK thì việc ñóng dấu ñược thực hiện sau khi tiến hành nhân bản Giấy KSK theo quy ñịnh tại ðiều 8 Thông tư này. ðiều 8. Cấp Giấy khám sức khỏe 1. Giấy KSK ñược cấp 01 (một) bản cho người ñược KSK. Trường hợp người ñược KSK có yêu cầu cấp nhiều Giấy KSK thì cơ sở KSK thực hiện như sau: a) Tiến hành việc nhân bản (photocopy) Giấy KSK ñã có chữ ký của người kết luận trước khi ñóng dấu. Số lượng Giấy KSK ñược nhân bản theo yêu cầu của người ñược KSK; b) Sau khi tiến hành việc nhân bản, thực hiện việc dán ảnh, ñóng dấu giáp lai vào Giấy KSK bản photocopy và ñóng dấu theo quy ñịnh tại Khoản 3 ðiều 7 Thông tư này. 2. Thời hạn trả Giấy KSK, Sổ KSK ñịnh kỳ a) ðối với trường hợp KSK ñơn lẻ: cơ sở KSK trả Giấy KSK, Sổ KSK ñịnh kỳ cho người ñược KSK trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi kết thúc việc KSK, trừ những trường hợp phải khám hoặc xét nghiệm bổ sung theo yêu cầu của người thực hiện KSK; b) ðối với trường hợp KSK tập thể theo hợp ñồng: cơ sở KSK trả Giấy KSK, Sổ KSK ñịnh kỳ cho người ñược KSK theo thỏa thuận ñã ghi trong hợp ñồng. 3. Giá trị sử dụng của Giấy KSK, kết quả KSK ñịnh kỳ a) Giấy KSK có giá trị trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày ký kết luận sức khỏe; ðối với KSK cho người Việt Nam ñi làm việc ở nước ngoài theo hợp ñồng thì giá trị của Giấy KSK theo quy ñịnh của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà người lao ñộng Việt Nam ñiền làm việc; b) Kết quả KSK ñịnh kỳ có giá trị sử dụng theo quy ñịnh của pháp luật. 4. Trường hợp người ñược KSK có xét nghiệm HIV dương tính thì việc thông báo kết quả xét nghiệm này phải theo quy ñịnh của pháp luật về phòng, chống HIV/AIDS. 50 CÔNG BÁO/Số 291 + 292/Ngày 31-05-2013 Chương III ðIỀU KIỆN CỦA CƠ SỞ KHÁM BỆNH,

CHỮA BỆNH ĐƯỢC PHÉP THỰC HIỆN KHÁM SỨC KHỎE điều 9. Điều kiện về nhân sự 1. Người thực hiện khám lâm sàng, cận lâm sàng phải có chứng chỉ hành nghề KBCB theo quy định của Luật KBCB phù hợp với chuyên khoa mà người đó được giao trách nhiệm khám. Trường hợp người thực hiện kỹ thuật cận lâm sàng mà pháp luật không quy định phải có chứng chỉ hành nghề KBCB thì phải có bằng cấp chuyên môn phù hợp với công việc được phân công. 2. Người kết luận phải đáp ứng các điều kiện sau: a) Là bác sĩ có chứng chỉ hành nghề KBCB và có thời gian KBCB ít nhất là 54 (năm mươi tư) tháng; b) được người có thẩm quyền của cơ sở KSK phân công thực hiện việc kết luận sức khỏe, ký Giấy KSK, Sổ KSK định kỳ. Việc phân công phải được thực hiện bằng văn bản và đóng dấu hợp pháp của cơ sở KBCB. 3. Đối với cơ sở KSK cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người Việt Nam đi lao động theo hợp đồng ở nước ngoài, học tập ở nước ngoài (sau đây gọi tắt là cơ sở KSK có yếu tố nước ngoài), ngoài việc đáp ứng các quy định tại Khoản 1, Khoản 2 điều này, phải đáp ứng thêm các điều kiện sau: a) Người thực hiện khám lâm sàng, người kết luận phải là bác sĩ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ y khoa trở lên; b) Khi người được KSK và người KSK không cùng thành thạo một thứ tiếng thì phải có người phiên dịch. Người phiên dịch phải có giấy chứng nhận trình độ phiên dịch trong KBCB theo quy định của Luật KBCB. điều 10. Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị 1. Có phòng khám lâm sàng, cận lâm sàng từng chuyên khoa theo quy định của Bộ Y tế phù hợp với nội dung KSK. 2. Có đủ cơ sở vật chất và thiết bị y tế thiết yếu theo quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này. điều 11. Điều kiện và phạm vi hoạt động chuyên môn 1. Điều kiện nối với cơ sở KSK có yếu tố nước ngoài: Thực hiện được các kỹ thuật chuyên môn phù hợp với nội dung ghi trong Giấy KSK quy định tại các Phụ lục 1, 2, 3 ban hành kèm theo Thông tư này. 2. Điều kiện nối với cơ sở KSK có yếu tố nước ngoài, ngoài việc đáp ứng quy định tại Khoản 1 điều này, phải thực hiện được các kỹ thuật cận lâm sàng sau: CÔNG BÁO/Số 291 + 292/Ngày 31-05-2013 51 a) Xét nghiệm máu: Công thức máu, nhóm máu ABO, nhóm máu Rh, tốc độ máu lắng, tỷ lệ huyết sắc tố, u rê máu; b) Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu; c) Xét nghiệm viêm gan A, B, C, E; d) Xét nghiệm huyết thanh giang mai; đ) Xét nghiệm kháng thể tình trạng nhiễm HIV (HIV dương tính); e) Thử phản ứng Mantoux; g) Thử thai; h) Xét nghiệm ma túy; i) Xét nghiệm phân tìm ký sinh trùng; k) Điện tâm não; l) Điện não não; m) Siêu âm; n) Xét nghiệm chẩn đoán bệnh phong. Trường hợp cơ sở KSK có yếu tố nước ngoài chưa đủ điều kiện thực hiện các kỹ thuật quy định tại điểm đ và điểm n Khoản 2 điều này thì phải ký hợp đồng hỗ trợ chuyên môn với cơ sở KBCB có giấy phép hoạt động và được phép thực hiện các kỹ thuật đó. 3. Phạm vi chuyên môn: a) Cơ sở KBCB đủ điều kiện quy định tại Khoản 1, Khoản 2 điều 9, điều 10 và Khoản 1 điều 11 của Thông tư này được tổ chức KSK nhưng không được KSK có yếu tố nước ngoài. b) Cơ sở KBCB đủ điều kiện quy định tại Khoản 3 điều 9, điều 10 và Khoản 2 điều 11 Thông tư này được tổ chức KSK bao gồm cả việc KSK có yếu tố nước ngoài. điều 12. Hồ sơ, thủ tục công bố thực hiện việc khám sức khỏe 1. Hồ sơ công bố đủ điều kiện thực hiện KSK: a) Văn bản công bố đủ điều kiện thực hiện KSK theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này; b) Bản sao có chứng thực Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở; c) Danh sách người tham gia KSK theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này (được đóng dấu trên từng trang hoặc đóng dấu giáp lai tất cả các trang); d) Bản danh mục cơ sở vật chất và thiết bị y tế quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này; 52 CÔNG BÁO/Số 291 + 292/Ngày 31-05-2013 đ) Báo cáo về phạm vi hoạt động chuyên môn của cơ sở KSK; e) Bản sao có chứng thực hợp đồng hỗ trợ chuyên môn nối với trường hợp quy định tại Khoản 3 điều 11 Thông tư này (nếu có). 2. Thủ tục công bố thực hiện việc khám sức khỏe: Trước khi tổ chức KSK lần đầu, cơ sở KBCB phải gửi hồ sơ công bố KSK theo quy định tại Khoản 1 điều này đến cơ quan quản lý nhà nước về y tế, cụ thể như sau: a) Đối với cơ sở KBCB trực thuộc Bộ Y tế: Hồ sơ gửi về Cục Quản lý khám, chữa bệnh - Bộ Y tế; b) Đối với cơ sở KBCB thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng thì hồ sơ gửi về Cục Quân Y - Bộ Quốc phòng; cơ sở KBCB thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công an thì hồ sơ gửi về Cục Y tế - Bộ Công an; cơ sở KBCB thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Giao thông vận tải hồ sơ gửi về Cục Y tế Giao thông vận tải - Bộ Giao thông vận tải; c) Đối với cơ sở KBCB thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế tỉnh,

thành phố trực thuộc Trung ương (sau này gọi tắt là Sở Y tế); cơ sở KBCB có trụ sở tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các cơ sở KBCB quy định tại điểm a, điểm b Khoản 2 điều này): Hồ sơ gửi về Sở Y tế nơi cơ sở KBCB đặt trụ sở. Điều 13. Thời gian, trình tự giải quyết hồ sơ công bố đủ điều kiện khám sức khỏe 1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ công bố đủ điều kiện KSK, cơ quan quản lý nhà nước về y tế quy định tại Khoản 2 Điều 12 Thông tư này (sau này gọi tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ) gửi cho cơ sở KBCB công bố đủ điều kiện KSK (sau này gọi tắt là cơ sở công bố đủ điều kiện) Phiếu tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này. 2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải tiến hành thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản thông báo cho cơ sở công bố đủ điều kiện để hoàn chỉnh hồ sơ. Văn bản thông báo phải nêu cụ thể tài liệu phải bổ sung và các nội dung phải sửa đổi. Cơ sở công bố đủ điều kiện chỉ phải bổ sung, sửa đổi theo nội dung của văn bản thông báo. Khi nhận được văn bản thông báo hồ sơ chưa hợp lệ, cơ sở công bố đủ điều kiện phải hoàn thiện và gửi hồ sơ bổ sung về cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải gửi cho cơ sở công bố đủ điều kiện Phiếu tiếp nhận hồ sơ bổ sung CÔNG BÁO/Số 291 + 292/Ngày 31-05-2013 53 trang. Trường hợp cơ sở công bố đủ điều kiện đã bổ sung hồ sơ nhưng không đúng với yêu cầu thì phải tiếp tục hoàn chỉnh hồ sơ theo thủ tục quy định tại Khoản này cho đến khi hồ sơ đạt yêu cầu. 3. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ đối với hồ sơ hợp lệ hoặc kể từ ngày ghi trên phần tiếp nhận hồ sơ bổ sung đối với hồ sơ chưa hợp lệ, nếu cơ quan tiếp nhận hồ sơ không có văn bản trả lời thì cơ sở công bố đủ điều kiện KSK được triển khai hoạt động KSK theo đúng phạm vi chuyên môn đã công bố. Chương IV TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN Điều 14. Trách nhiệm của người được khám sức khỏe 1. Cung cấp thông tin trung thực về tiền sử bản thân, bệnh tật và chịu trách nhiệm về thông tin đã cung cấp. 2. Tuân thủ các hướng dẫn, chỉ định của người KSK trong quá trình thực hiện KSK. 3. Xuất trình Hồ sơ KSK theo quy định tại Điều 4 Thông tư này cho người KSK để kiểm tra trong mỗi lần thực hiện một hoạt động khám lâm sàng hoặc khám cận lâm sàng. Điều 15. Trách nhiệm của cơ sở sử dụng lao động, trường dạy nghề, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và trường dạy nghề 1. Chịu trách nhiệm tổ chức việc KSK cho đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật. 2. Quản lý Sổ KSK định kỳ của đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý. Điều 16. Trách nhiệm của cơ sở khám sức khỏe 1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả KSK do cơ sở mình thực hiện. 2. Tổng hợp kết quả thực hiện hoạt động KSK do cơ sở mình thực hiện vào báo cáo hoạt động chung của cơ sở và báo cáo theo quy định về thống kê, báo cáo. Điều 17. Trách nhiệm của Sở Y tế và cơ quan quản lý nhà nước về y tế của các Bộ, ngành 1. Chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động KSK tại các cơ sở KBCB thuộc thẩm quyền quản lý. 2. Kiểm tra, thanh tra hoạt động của các cơ sở KSK theo quy định; nhìn chỉ hoặc kiến nghị nhìn chỉ hoạt động KSK hoặc xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với các cơ sở KSK không đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư này. 54 CÔNG BÁO/Số 291 + 292/Ngày 31-05-2013 Điều 18. Trách nhiệm của Cục Quản lý khám, chữa bệnh - Bộ Y tế 1. Chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động KSK tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi cả nước. 2. Kiểm tra, thanh tra hoạt động của các cơ sở KSK theo quy định của pháp luật; nhìn chỉ hoặc kiến nghị nhìn chỉ hoạt động KSK hoặc xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với các cơ sở KSK không đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư này. Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH Điều 19. Hiệu lực thi hành Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013. Thông tư số 13/2007/TT-BYT ngày 21 tháng 11 năm 2007 của Bộ Y tế hướng dẫn KSK và Thông tư liên tịch số 10/2004/TTLT-BYT-BLĐTBXH-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2004 của: Bộ Y tế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện khám và chứng nhận sức khỏe cho người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành. Điều 20. Điều khoản tham chiếu Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Thông tư này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung đó. Điều 21. Quy định chuyển tiếp Các cơ sở KBCB đang thực hiện hoạt động KSK trước ngày Thông tư này có hiệu lực tiếp tục thực hiện hoạt động KSK đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Sau đó, nếu muốn tiếp tục thực hiện hoạt động KSK thì phải nộp ứng các nhiều tiền và thực hiện quy trình, hồ sơ công bố đủ nhiều điều kiện KSK được quy định tại Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cá nhân, tổ chức phản ánh về Bộ Y tế (Cục Quản lý khám, chữa bệnh) để xem xét, giải quyết./. KT. BỘ TRƯỞNG THỨ TRƯỞNG Nguyễn Thị Xuyên CÔNG BÁO/Số 291 + 292/Ngày 31-05-2013 55 Phụ lục 1 MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE DÙNG CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN (Kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế) 1 2 Số:...../GKSK-.....3 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM độc lập - Tự do - Hạnh phúc GIẤY KHÁM SỨC KHỎE Họ và tên (chữ in hoa):..... Giới: Nam Nữ Tuổi:..... Số CMND hoặc Hộ chiếu:..... cấp ngày...../...../..... tại..... Chỗ ở hiện tại:.....

..... Lý do khám sức khỏe:..... TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE 1. Tiền sử gia đình Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, nội kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác: a) Không ; b) Có ; Nếu “có”, đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:..... 2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không: Bệnh truyền nhiễm, bệnh tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, nội kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác: a) Không ; b) Có Nếu “có”, đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

..... 3. Câu hỏi khác (nếu có) a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng: b) Tiền sử thai sản (đối với phụ nữ):.....

..... Tôi xin cam đoan những nội dung khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi. ngày..... tháng..... năm..... Người đề nghị khám sức khỏe (Ký và ghi rõ họ, tên) 1 Tên cơ quan chủ quản của cơ sở khám sức khỏe 2 Tên của cơ sở khám sức khỏe 3 Chữ viết tắt tên cơ sở khám sức khỏe Ảnh (4 x 6cm) 56 CÔNG BÁO/Số 291 + 292/Ngày 31-05-2013 I. KHÁM THỂ LỰC Chiều cao:..... cm; Cân nặng:..... kg; Chỉ số BMI:..... Mạch:..... lần/phút; Huyết áp:...../..... mmHg Phân loại thể

lực:..... II. KHÁM LÂM SÀNG Nội dung khám Họ tên, chữ ký của bác sỹ 1. Nội khoa a) Tuần hoàn:..... b) Hô hấp:..... Phân loại:..... c) Tiêu hóa:..... Phân loại:..... d) Thận - Tiết niệu:..... Phân loại:..... e) Thần kinh:..... Phân loại:..... g) Tâm thần:..... Phân loại:..... 2. Ngoại khoa:..... Phân

loại..... 3. Sản phụ
khoa:..... Phân
loại..... 4. Mắt: - Kết quả khám thị lực: Không kính:
Mắt phải:..... Mắt trái:..... Có kính: Mắt phải:..... Mắt trái: - Các bệnh về mắt (nếu có):
..... - Phân loại: 5. Tai
- Mũi - Họng - Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường:..... m; Nói thầm:..... m
Tai phải: Nói thường:..... m; Nói thầm: m - Các bệnh về tai mũi họng (nếu
có):..... - Phân loại: 6. Răng -
Hàm - Mặt - Kết quả khám: + Hàm trên: + Hàm dưới:
.....
.....
.....
.....

..... CÔNG BÁO/Số 291 + 292/Ngày 31-
05-2013 57 Nội dung khám Họ tên, chữ ký của bác sỹ - Các bệnh về Răng - Hàm - Mặt (nếu
có)..... - Phân loại: 7. Da liễu:
..... Phân
loại:.....

..... III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG Nội dung khám Họ tên, chữ ký của Bác
sỹ 1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC:..... Số lượng Bạch cầu:
..... Số lượng Tiểu cầu: b) Sinh hóa máu: đường máu:
..... Urê:..... Creatinin:..... ASAT
(GOT):..... ALAT (GPT): c) Khác (nếu
có):.....
..... 2. Xét nghiệm nước tiểu: a)
đường:..... b)
Prôtêin:..... c) Khác (nếu
có):..... 3. Chẩn
ñ đoán hình ảnh:

..... IV. KẾT LUẬN 1. Phân loại sức khỏe:..... 4
..... 2. Các bệnh, tật (nếu có):..... 5
.....
.....

..... ngày..... tháng.....
năm..... NGƯỜI KẾT LUẬN (Ký, ghi rõ họ, tên và nòng dấu) 4 Phân loại sức
khỏe quy ñịnh tại Quyết ñịnh số 1613/BYT-QĐ hoặc phân loại sức khỏe theo quy ñịnh của bộ tiêu chuẩn
sức khỏe chuyên ngành nối với trường hợp khám sức khỏe chuyên ngành. 5 Ghi rõ các bệnh, tật, phương
án ñiều trị, phục hồi chức năng hoặc giới thiệu khám chuyên khoa ñề khám bệnh, chữa bệnh. 58 CÔNG
BÁO/Số 291 + 292/Ngày 31-05-2013 Phụ lục 2 MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE DÙNG CHO NGƯỜI
DƯỚI 18 TUỔI (Kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ
Y tế) 6 7 Số:...../GKSK-.....8 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM ñộc lập - Tự do - Hạnh phúc GIẤY KHÁM SỨC KHỎE Họ và tên (chữ in
hoa):..... Giới: Nam Nữ Tuổi:..... Số
CMND hoặc Hộ chiếu (nếu có):..... cấp ngày...../...../.....
tại..... Họ và tên bố, mẹ hoặc người giám hộ:.....

..... Chỗ ở hiện tại:.....

..... Lý do khám sức khỏe:.....

..... TIỀN SỬ BỆNH TẬT 1. Tiền sử gia đình Có ai trong gia đình (ông, bà, bố, mẹ, anh chị em) mắc các bệnh bẩm sinh hoặc bệnh truyền nhiễm: Không Có Nếu “có”, nề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

..... 6 Tên cơ quan chủ quản của cơ sở khám sức khỏe 7 Tên của cơ sở khám sức khỏe 8 Chữ viết tắt tên cơ sở khám sức khỏe Ảnh (4 x 6cm) CÔNG BÁO/Số 291 + 292/Ngày 31-05-2013 59 2. Tiền sử bản thân a) Sản khoa: - Bình thường. - Không bình thường: đẻ thiếu tháng; đẻ thừa tháng; đẻ có can thiệp; đẻ ngạt, Mẹ bị bệnh trong thời kỳ mang thai (nếu có cần ghi rõ tên bệnh:.....

.....) b) Tiêm chủng: Tình trạng tiêm/uống vắc xin STT Loại vắc xin Có Không Nhớ rõ 1 BCG 2 Bạch hầu, ho gà, uốn ván 3 Sởi 4 Bại liệt 5 Viêm não Nhật Bản B 6 Viêm gan B 7 Các loại khác c) Tiền sử bệnh/tật: (các bệnh bẩm sinh và mãn tính) - Không - Có Nếu “có”, ghi cụ thể tên bệnh.....

..... d) Hiện tại có ãng nề ãu trị bệnh gì không? Nếu có, ghi rõ tên bệnh và liệt kê các thuốc ãng ãu:.....

..... Tôi xin cam ãoan ãững ãiều khai trên ãây hoàn toàn ãúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi. ngày..... tháng.....năm..... Người ãề nghị khám sức khỏe (hoặc Cha/mẹ hoặc người giám hộ) (Ký và ghi rõ họ, tên) 60 CÔNG BÁO/Số 291 + 292/Ngày 31-05-2013 I. KHÁM THỂ LỰC Chiều cao:..... cm; Cân nặng:..... kg; Chỉ số BMI:..... Mạch:..... lần/phút; Huyết áp:...../..... mmHg Phân loại thể lực:.....

..... II. KHÁM LÂM SÀNG 1. Nhi khoa a) Tuần hoàn:.....

..... b) Hô hấp:.....

..... c) Tiêu hóa:.....

..... Họ tên, chữ ký của Bác sỹ

..... d) Thận - Tiết niệu:.....

..... ã) Thần kinh - Tâm thần:.....

e) Khám lâm sàng khác:.....
 2. Mắt: a) Kết quả khám thị lực: Không
 kính: Mắt phải:... Mắt trái:..... Có kính: Mắt phải:..... Mắt trái:..... b) Các bệnh về mắt (nếu
 có):..... 3.
 Tai - Mũi - Họng a) Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường:..... m; Nói thầm:.....
 m Tai phải: Nói thường:..... m; Nói thầm:..... m b) Các bệnh về Tai - Mũi - Họng (nếu
 có):..... 4. Răng - Hàm -
 Mặt a) Kết quả khám: + Hàm trên:..... + Hàm
 dưới:..... b) Các bệnh về Răng - Hàm - Mặt (nếu có).....

..... CÔNG BÁO/Số 291 + 292/Ngày 31-05-2013 61 III. KHÁM CẬN
 LÂM SÀNG Nội dung khám Họ tên, chữ ký của Bác sỹ Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/Xquang và các
 xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: Kết
 quả:.....

..... IV. KẾT LUẬN CHUNG Sức khỏe bình
 thường..... 9 Hoặc các vấn đề sức khỏe cần lưu
 ý:..... 10

..... ngày.....
 tháng..... năm..... NGƯỜI KẾT LUẬN (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) _____
 9 Nếu không có vấn đề gì về sức khỏe: Ghi Bình thường. 10 Ghi rõ các bệnh, tật, phương án điều trị, phục
 hồi chức năng hoặc giới thiệu khám chuyên khoa nếu khám bệnh, chữa bệnh. 62 CÔNG BÁO/Số 291 +
 292/Ngày 31-05-2013 Phụ lục 3 MẪU SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ (Kèm theo Thông tư số
 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ
 NGHĨA VIỆT NAM độc lập - Tự do - Hạnh phúc SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ 1. Họ và tên (chữ in
 hoa):..... 2. Giới: Nam Nữ Tuổi:..... 3. Số
 CMND hoặc Hộ chiếu:..... cấp ngày...../...../.....

tại..... 4. Hộ khẩu thường
 trú:.....

..... 5. Chỗ ở hiện
 tại:.....

..... 6. Nghề
 nghiệp:..... 11

tập:..... 12 7. Nơi công tác, học
 hiện nay:...../...../..... 8. Ngày bắt đầu vào học/làm việc tại nơi
 hiện nay:...../...../..... 9. Nghề, công việc trước đây (liệt kê các công việc đã làm trong 10
 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất): a)..... 13

..... thời gian làm việc.....14.... năm...15.... tháng từ ngày...../...../.....
 đến...../...../..... b)

..... 16 thời
 gian làm việc..... năm..... tháng từ ngày...../...../..... đến...../...../..... 10. Tiền sử bệnh, tật của gia
 đình:.....

..... 11. Tiền sử bản thân: Tên

bệnh Phát hiện năm Tên bệnh nghề nghiệp Phát hiện năm a) a) b) b) Người lao động xác nhận (Ký và ghi rõ họ, tên) ngày..... tháng..... năm..... Người lập sổ KSK định kỳ (Ký và ghi rõ họ, tên)

..... 11 Ghi rõ công việc hiện nay đang làm. 12 Ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, đơn vị nơi người được khám sức khỏe đang lao động, học tập 13 Ghi rõ công việc hiện nay đang làm 14 Số năm mà người được khám sức khỏe đã làm công việc đó 15 Số tháng mà người được khám sức khỏe đã làm công việc đó 16 Ghi rõ công việc hiện nay đang làm Ảnh (4 x 6cm) CÔNG BÁO/Số 291 + 292/Ngày 31-05-2013 63 KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

.....
.....
.....
.....

I. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao:..... cm; Cân nặng:..... kg; Chỉ số BMI:..... Mạch:.....
lần/phút; Huyết áp:...../..... mmHg Phân loại thể

II. KHÁM LÂM SÀNG Nội dung khám

Họ tên, chữ ký của Bác sỹ 1. Nội khoa a) Tuần hoàn:
Phân loại..... b) Hô hấp:

..... Phân
loại..... c) Tiêu hóa:

..... Phân
loại..... d) Thận - Tiết niệu:

..... Phân
loại..... ñ) Nội tiết:

..... Phân
loại..... e) Cơ - xương - khớp:

..... Phân loại.....

g) Thần kinh:..... Phân
loại..... h) Tâm

thần:..... Phân
loại..... 2. Mắt - Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt

phải:..... Mắt trái:..... Có kính: Mắt phải:..... Mắt trái: - Các bệnh về mắt (nếu

có):..... - Phân loại: 3.

Tai - Mũi - Họng - Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường:..... m; Nói thầm:.....

m Tai phải: Nói thường:..... m; Nói thầm:..... m - Các bệnh về tai mũi họng (nếu

có):..... - Phân loại:
.....
.....
.....

64 CÔNG BÁO/Số 291 + 292/Ngày 31-05-2013 4. Răng

- Hàm - Mặt - Kết quả khám: + Hàm trên:..... + Hàm

dưới:..... - Các bệnh về Răng - Hàm - Mặt (nếu có):..... -
Phân loại:..... 5. Da

liều:..... Phân
loại:.....

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG Nội dung khám

Họ tên, chữ ký của Bác sỹ Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác

sỹ: a) Kết quả:.....
..... b) đánh

giá:.....

..... IV. KẾT LUẬN 1. Phân loại sức khỏe:..... 17

..... 2. Các bệnh, tật (nếu có):..... 18

.....

.....

.....

..... ngày.....

tháng..... năm..... NGƯỜI KẾT LUẬN (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

..... 17 Phân loại sức khỏe theo quy định tại Quyết định số 1613/BYT-QĐ hoặc phân loại sức khỏe theo quy định của bộ tiêu chuẩn sức khỏe chuyên ngành nội với trường hợp khám sức khỏe chuyên ngành 18 Ghi rõ các bệnh, tật, phương án điều trị, phục hồi chức năng hoặc giới thiệu khám chuyên khoa để khám bệnh, chữa bệnh. CÔNG BÁO/Số 291 + 292/Ngày 31-05-2013 65 Phụ lục 4 DANH MỤC CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ THIẾT BỊ Y TẾ CỦA CƠ SỞ KHÁM SỨC KHỎE (Kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế) TT Nội dung Số lượng I. CƠ SỞ VẬT CHẤT 1 Phòng tiếp đón 01 2 Phòng khám chuyên khoa: Nội, nhi, ngoại, sản phụ khoa, mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt, da liễu 08 3 Phòng chụp X.quang 01 4 Phòng xét nghiệm 01 II. THIẾT BỊ Y TẾ 1 Tủ hồ sơ bệnh án/phương tiện lưu trữ hồ sơ khám sức khỏe 01 2 Tủ thuốc cấp cứu/túi thuốc cấp cứu 01 3 Bộ bàn ghế khám bệnh 02 4 Giường khám bệnh 02 5 Ghế chờ khám 10 6 Tủ sấy dụng cụ 01 7 Nồi luộc, khử trùng dụng cụ y tế 01 8 Cân có thước đo chiều cao/Thước dây 01 9 Ống nghe tim phổi 02 10 Huyết áp kế 02 11 Đèn nội soi X.quang 01 12 Búa thử phản xạ 01 13 Bộ khám da (kính lúp) 01 14 Đèn soi đáy mắt 01 15 Hộp kính thử thị lực 01 16 Bảng kiểm tra thị lực 01 17 Bảng thị thực màu 01 18 Bộ khám tai mũi họng: nền soi, 20 bộ dụng cụ, khay đựng 01 19 Bộ khám răng hàm mặt 01 20 Bàn khám và bộ dụng cụ khám phụ khoa 01 21 Thiết bị phân tích huyết học 01 66 CÔNG BÁO/Số 291 + 292/Ngày 31-05-2013 TT Nội dung Số lượng 22 Thiết bị phân tích sinh hóa 01 23 Thiết bị phân tích nước tiểu/Bộ dụng cụ thử nước tiểu 01 24 Thiết bị chụp X.quang 01 III. NGOÀI CÓ ĐỦ CÁC THIẾT BỊ TẠI MỤC II PHỤ LỤC NÀY, CƠ SỞ KSK CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI PHẢI CÓ THÊM CÁC THIẾT BỊ Y TẾ SAU 25 Thiết bị đo nồng độ đường huyết 01 26 Thiết bị siêu âm 01 27 Thiết bị nội soi 01 CÔNG BÁO/Số 291 + 292/Ngày 31-05-2013 67 Phụ lục 5 MẪU VĂN BẢN CÔNG BỐ ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN KHÁM SỨC KHỎE (Kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế) 19 20 Số:...../VBCB-.....21 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM độc lập - Tự do - Hạnh phúc 22....., ngày.....tháng.....năm..... VĂN BẢN CÔNG BỐ Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe Kính gửi:.....23

..... Tên cơ sở nộp hồ sơ:

..... địa điểm:..... 24

..... điện thoại:.....Email (nếu có):

..... Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe và gửi kèm theo văn bản này bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau: 1. Bản sao có chứng thực Giấy phép hoạt động của cơ sở 2. Danh sách người tham gia khám sức khỏe 3. Danh mục trang thiết bị, cơ sở vật chất 4. Báo cáo về phạm vi hoạt động chuyên môn của cơ sở KSK 5. Các hợp đồng hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật hợp pháp nội với trường hợp quy định tại khoản 3 điều 11 Thông tư này GIÁM ĐỐC (Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

..... 19 Tên cơ quan chủ quản của cơ sở khám sức khỏe 20 Tên của cơ sở khám sức khỏe 21 Chữ viết tắt tên cơ sở khám sức khỏe 22 địa danh 23 Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại Khoản 3 điều 12 Thông tư này 24 địa chỉ cụ thể của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh 68 CÔNG BÁO/Số 291 + 292/Ngày 31-05-2013 Phụ lục 6 MẪU DANH SÁCH NGƯỜI THỰC HIỆN KHÁM SỨC KHỎE (Kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế) 25

..... 26 Số:...../..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM độc lập - Tự do - Hạnh phúc 27....., ngày..... tháng..... năm..... DANH SÁCH NGƯỜI THỰC HIỆN KHÁM SỨC KHỎE TT Họ và tên Bằng cấp chuyên môn Số chứng chỉ hành nghề Vị trí chuyên môn Thời gian khám bệnh, chữa bệnh 128 29 30 31 32 2 3 4 GIÁM ĐỐC (Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu) 25 Tên cơ quan chủ quản của cơ sở khám sức khỏe 26 Tên của cơ sở khám sức khỏe 27 địa danh 28 Ghi này nữ họ và tên của người thực hiện khám sức khỏe 29 Ghi rõ bằng cấp chuyên môn của người thực hiện khám sức khỏe 30 Ghi số, ký hiệu của chứng chỉ hành nghề mà người thực hiện khám sức khỏe đã được cấp 31 Ghi rõ vị trí chuyên môn mà người thực hiện khám sức khỏe được giao phụ trách. Ví dụ: Người thực hiện khám lâm sàng hoặc người xác nhận kết quả xét nghiệm hoặc người nội và kết luận phim chụp X-quang hoặc người kết luận 32 Ghi rõ số năm mà người thực hiện khám sức khỏe đã thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh CÔNG BÁO/Số 291 + 292/Ngày 31-05-2013 Phụ lục 7 MẪU PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ CÔNG BỐ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KHÁM SỨC KHỎE (Kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế) 33 Số:...../PTN-....34 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NA